

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-2-2018

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Minh Luân.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Tr - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp Vinh, xã Mỹ Thạnh T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Q - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: ấp Vinh, xã Mỹ Thạnh T, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2017 các văn bản tiếp theo bà Nguyễn Thị Bích Tr trình bày và yêu cầu: Bà và ông Phạm Văn Q cưới nhau năm 2004, đăng ký kết hôn ngày 13/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tây. Chung sống đến tháng 6/2014, phát sinh mâu thuẫn do ông Q không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo cho bản thân, để một mình bà gánh vác gia đình, mỗi lần bà nhắc nhở thì vợ chồng lại mâu thuẫn, bà đã cho ông Q nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng không có kết quả. Tháng 01/2017, bà có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ nhưng ông Q hứa khắc phục mâu thuẫn nên bà đã rút yêu cầu khởi kiện để gia đình được đoàn tụ nhưng ông Q vẫn không thay đổi tính tình. Hiện nay bà và ông Q vẫn còn sống chung.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Q

- Về nuôi con chung: Bà và ông Q có 02 con chung tên Phạm Thị Xuân Nhi, sinh ngày 01/4/2005 và Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 16/7/2008, các con đang sống chung với bà và ông Q. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông Q trực tiếp nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2018, các văn bản tiếp theo, bị đơn ông Phạm Văn Q trình bày: Ông thống nhất trình bày của bà Tr về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung và việc vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích Tr.

Về nuôi con chung: Nếu như phải ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Bích Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn Q, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Tr và ông Q chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long an ngày 13/9/2004. Quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà Nguyễn Thị Bích Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[4] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Phạm Văn Q được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng ông Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Tr theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, ông Q không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hiện các

đương sự tranh chấp nhau về hôn nhân, bà Tr yêu cầu ly hôn ông Q yêu cầu đoàn tụ.

[6] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà Tr và yêu cầu đoàn tụ của ông Q: Bà Tr và ông Q không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên xét bà Tr và ông Q thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông Q không quan tâm chăm sóc gia đình nên vào tháng 01/2017 bà Tr đã có yêu cầu ly hôn gửi Tòa án nhưng ông Q yêu cầu cho ông cơ hội để sửa đổi nên bà Tr đã rút yêu cầu ly hôn để gia đình đoàn tụ nhưng từ đó đến nay gia đình vẫn luôn mâu thuẫn, không thể hàn gắn được.

[7] Xét mâu thuẫn giữa bà Tr và ông Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà Tr có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Ngược lại, từ ngày xảy ra mâu thuẫn đến nay, ông Q không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến mất hạnh phúc, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau, yêu cầu đoàn tụ của ông Q là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét về nuôi con chung: Bà Tr và ông Q thống nhất có 02 con chung tên Phạm Thị Xuân Nhi, sinh ngày 01/4/2005 và Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 16/7/2008, các con đang sống chung với bà Tr và ông Q. Khi ly hôn, bà Tr đồng ý để ông Q trực tiếp nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[10] Xét ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên ghi nhận.

[11] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr, ông Q trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[12] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ 300.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Tr đã nộp đủ án phí. Ông Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Tr đối với ông Phạm Văn Q về việc “ly hôn”.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích Tr được ly hôn với ông Phạm Văn Q.

Về nuôi con chung: Ông Phạm Văn Q được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phạm Thị Xuân Nhi, sinh ngày 01/4/2005 và Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 16/7/2008, các con đang sống chung với ông Q, bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Bích Tr được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích của con chung, bà Tr và ông Q được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích Tr chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số 0008141 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), bà Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/2/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Vụ